

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 162/2022/DS-GĐT

Ngày: 16/5/2022

V/v Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa:* Ông Võ Văn Cường

*Các thẩm phán:* Ông Phan Thanh Tùng

Bà Trần Thị Thu Thủy

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh***  
tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế*” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T1. Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố PR – TC, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H1. Sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố PR – TC, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn T2. Sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn Bà Râu, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm 1954.

3.3. Bà Nguyễn Thị H2. Sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố PR – TC, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. Bà Nguyễn Thị Lệ H3. Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 86/6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị Phương H4. Sinh năm 1980.

3.6. Ông Nguyễn Hồng P1. Sinh năm 1985.

3.7. Ông Nguyễn Hồng P2. Sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố PR – TC, tỉnh Ninh Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Cha mẹ ông là Nguyễn N, Nguyễn Thị K có 05 người con chung là Nguyễn Văn T1, Nguyễn T2, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn P3 (chết năm 2002 không để lại di chúc, có vợ là Nguyễn Thị H1 và các con là Nguyễn Thị Lệ H3, Nguyễn Thị Phương H4, Nguyễn Hồng P2, Nguyễn Hồng P1). Ông N chết năm 1962, không để lại di chúc. Ngày 02/7/1962 chính quyền xã AS cấp giấy chứng nhận thừa kế chứng nhận bà K được quyền thừa kế của ông N. Bà K chết năm 2007, di sản thừa kế bà K để lại gồm có: Thửa đất số 752, diện tích 224m<sup>2</sup> nay được tách ra thành 03 thửa là: Thửa 297, tờ bản đồ số 81 diện tích 118m<sup>2</sup>, trên đất có 01 căn nhà từ đường diện tích 40m<sup>2</sup> hiện nay do bà H1 đang quản lý, sử dụng; Thửa 296, tờ bản đồ số 81 có diện tích 57,2m<sup>2</sup>, trên đất có 01 căn nhà cấp 4B hiện nay do ông T1 đang quản lý, sử dụng; Thửa 371, tờ bản đồ số 81 có diện tích 75,4m<sup>2</sup> hiện nay do bà H2 đang quản lý, sử dụng, tất cả các thửa đất đều tọa lạc tại phường ĐV, thành phố PR - TC, tỉnh Ninh Thuận.

Do vợ chồng ông P3, bà H1 vay Ngân hàng nhưng không trả được nên ngày 26/8/1997 bà K lập di chúc để lại toàn bộ căn nhà và diện tích 224m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 752 nêu trên cho ông P3, bà H1 nhằm mục đích cho ông P3, bà H1 thế chấp ngân hàng để vay tiền đáo hạn, bà H2, bà L, ông T2 không biết và không chứng kiến việc lập di chúc này. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy di chúc ngày 26/8/1997 của bà K; Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản bà K để lại sau khi trừ đi tiền sửa chữa căn nhà trên thửa số 297 cho bà H1 và giá trị căn nhà của bà H2 trên thửa số 371, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì hiện nay ông không có nhà và đất nào khác. Đối với căn nhà trên đất hiện nay ông đang quản lý do bà K tạo lập, ông không yêu cầu hoàn trả chi phí sửa chữa và rút đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả khoản tiền mà ông đã nộp thuế nhà đất và trả tiền Ngân hàng thay cho bà K. Ông đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá, đo đạc.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn P3, bà xác nhận nội dung trình bày của ông T1 về cha mẹ, anh chị em ruột, các con chung của bà và ông P3, di sản của bà K chết để lại là đúng sự thật. Bà có đơn phản tố, yêu cầu công nhận di chúc ngày 26/8/1997 của bà K. Đối với phần di sản mà bà K chưa định đoạt trong di chúc, bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật. Bà yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là căn nhà gắn liền với 118m<sup>2</sup> đất hiện bà và các con, các cháu đang ở, vì ngoài chỗ ở này ra gia đình bà không còn chỗ ở và đất nào khác, bà đồng ý hoàn lại cho những người thừa kế khác giá trị chênh lệch. Đối với di sản thừa kế của ông P3 để lại, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu hoàn trả cho bà và ông P3 giá trị sửa chữa căn nhà cấp 4B của bà K, theo biên bản định giá bổ sung ngày 15/7/2016 là 17.503.000 đồng và phần giá trị mái tôn khung sắt, sân xi măng, công trình phụ theo biên bản đo đạc, định giá ngày 19/12/2014 là 34.298.000 đồng, tổng cộng là 51.801.000 đồng. Bà đồng ý chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản bổ sung ngày 15/7/2016.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:* Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Phần bà H2 được nhận thừa kế bà H2 xin nhận hiện vật là nhà đất hiện bà H2 đang ở. Phần bà L được nhận thừa kế, bà L xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Phần ông T2 được nhận thừa kế, ông T2 xin nhận và tặng cho lại ông Nguyễn Văn T1 sở hữu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H3, bà Nguyễn Thị Phương H4, ông Nguyễn Hồng P2, ông Nguyễn Hồng P1 trình bày:*

Các ông, bà là con của ông Nguyễn Văn P3 và Nguyễn Thị H1. Các ông bà đồng ý với nội dung trình bày của bà H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của ông P3 để lại trong vụ án này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2016/DS-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố PR - TC, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T1. Chấp nhận yêu cầu phản tố tính chi phí sửa chữa nhà của bà H1.

Tuyên vô hiệu  $\frac{1}{2}$  di chúc của cụ K lập ngày 26/8/1997. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản giữa ông T2 đối với ông T1.

Ông T1 được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4B diện tích  $(6,8 \times 4,6) = 31,28m^2$  nằm trên Thửa số 296 (tách ra từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích  $57,2m^2$  tọa lạc tại khu phố 5, phường ĐV, thành phố PR - TC, tỉnh Ninh Thuận hiện do ông T1 đang quản lý, sử dụng. Có vị trí tứ cận cụ thể. Ông T1 có trách nhiệm hoàn lại 13.723.911 đồng cho bà L.

Bà H1 được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4B có diện tích  $55,9m^2$  nằm trên Thửa số 297 (tách từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích  $118m^2$  do bà H1 đang quản lý, sử dụng, có vị trí tứ cận cụ thể. Bà H1 có trách nhiệm hoàn lại cho bà H3, bà H4, ông P, ông P1 mỗi người 7.523.000 và hoàn lại 13.892.763 đồng cho bà L.

Bà H2 được quyền sử dụng 01 căn nhà cấp 4B diện tích  $55,9m^2$  nằm trên thửa đất số 371 (tách ra từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích  $75,4m^2$  đất hiện do bà H2 đang quản lý, sử dụng, có vị trí tứ cận cụ thể. Bà H2 có trách nhiệm hoàn lại 2.481.063 đồng cho bà L.

Diện tích đất đường luồng  $33,9m^2$  tiếp tục sử dụng làm lối đi chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng của đương sự.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:*

Sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của ông T1 và ông T2, bà H2 về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ K và yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất.

Chấp nhận kháng cáo của bà L về chia thừa kế theo pháp luật; không chấp nhận kháng cáo được nhận thừa kế là quyền sử dụng đất của bà L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T1. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà H1 về việc hoàn trả lại cho bà H1 trị giá sửa chữa nhà và làm thêm mái tôn khung sắt, sân xi măng, công trình phụ.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế di sản của ông T2 cho ông T1 sở hữu.

Di chúc ngày 26/8/1997 của cụ K bị vô hiệu toàn bộ.

Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4B, diện tích xây dựng 55,9m<sup>2</sup>, trị giá 54.502.500 đồng (trong đó gồm: trị giá di sản thừa kế 36.999.500 đồng, trị giá sửa chữa nhà còn lại thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông P3, bà H1 17.503.000 đồng), được quyền sở hữu mái tole khung sắt, sân xi măng, công trình phụ do bà H1 xây dựng giá trị còn lại là 34.298.000 đồng và được quyền sử dụng thửa đất số 297 (tách từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích 118m<sup>2</sup> gắn liền nhà có vị trí tứ cận cụ thể.

Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 phải hoàn trả lại cho bà H1 8.751.500 đồng trị giá sửa chữa căn nhà thuộc quyền sở hữu của bà H1, 34.298.000 đồng trị giá mái tole khung sắt, sân xi măng, công trình phụ do bà H1 xây dựng. Tổng cộng là 43.049.500 đồng. Chia phần cụ thể Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 mỗi người phải hoàn trả lại cho bà H1 10.762.375 đồng.

Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 phải trả lại cho bà H1 8.751.500 đồng trị giá phần sửa chữa căn nhà là di sản thừa kế của ông P3 để lại. Chia phần cụ thể Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 mỗi người phải trả lại cho bà H1 2.187.875 đồng.

Giao cho bà H1 quản lý 8.751.500 đồng trị giá phần sửa chữa căn nhà là di sản thừa kế của ông P3 để lại.

Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 mỗi người phải hoàn lại cho bà L 9.723.084 đồng, hoàn lại cho ông T1 967.822 đồng và hoàn lại cho bà H2 1.579.884 đồng.

Ông T1 được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4B, tường xây gạch quét vôi, nền xi măng, cửa gỗ, mái tôn, diện tích xây dựng 31,28m<sup>2</sup> và được quyền sử dụng thửa số 296 (tách ra từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích 57,2 m<sup>2</sup> gắn liền căn nhà cấp 4B này có vị trí tứ cận cụ thể, toàn bộ nhà và đất này hiện ông T1 đang quản lý. Ông T1 được quyền sở hữu tổng cộng 3.871.289 đồng do Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 hoàn lại.

Bà H2 được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4B, tường xây gạch sơn nước, nền gạch hoa, cửa sắt khung kính, mái tôn, diện tích 35,1m<sup>2</sup> và quyền sử dụng thửa đất số 371 (tách ra từ thửa 752), tờ bản đồ địa chính số 81, diện tích 75,4m<sup>2</sup> đất gắn liền căn nhà cấp 4B này có vị trí tứ cận cụ thể. Toàn bộ nhà và đất bà H2 đang quản lý.

Bà H2 được quyền sở hữu tổng cộng 6.319.537 đồng do Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 hoàn lại.

Bà L được quyền sở hữu tổng cộng 38.892.337 đồng do Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 hoàn lại.

Diện tích đất 33,9m<sup>2</sup> theo Trích đo bản đồ địa chính ngày 28/9/2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố PR - TC là lỗi đi chung.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền, nghĩa vụ do chậm thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm và phúc thẩm, bà L có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 19/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo về việc không kháng nghị giám đốc thẩm số 508/TB-VKS-DS nên ngày 13/5/2019 bà L tiếp tục có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại quyết định số 17/2022/KN-DS ngày 22/02/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị K và di sản do cụ K chết để lại, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận như Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã xác định.

[2]. Đối với Bản di chúc ngày 26/8/1997 của cụ K thấy rằng: Bản di chúc này do ông T1 trực tiếp viết, có dấu lấn tay của cụ K và có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường ĐV vào ngày 27/8/1997, ông T1 và bà H2 là người làm chứng với nội dung cụ K để lại cho con trai là ông P3 và con dâu là bà H1 250m<sup>2</sup> đất và căn nhà trên đất. Tuy nhiên, cụ K không biết chữ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 thì di chúc của cụ K phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng, chứng thực; Tại Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định người thừa kế theo pháp luật của người lập di chúc không được làm chứng. Hơn nữa, ông P3 là người được cụ K để lại di chúc chết từ năm 2002 trong khi cụ K chết vào năm 2007 nên di chúc nêu trên không có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 1995. Tòa án cấp phúc thẩm xác định di chúc vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về cách chia di sản theo pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm chia đều di sản của cụ K để lại cho có 05 người con là ông T1, ông T2 (đã tự nguyện tặng kỷ phần cho ông T1), bà L, bà H2, ông P3 (có các con nhận thừa kế thế vị) là đúng nhưng lại xác định bà L hiện đang ở với các con tại Thành phố Hồ Chí Minh, không có nhu cầu về nhà ở để chia cho bà L 01 kỷ phần bằng giá trị tiền 38.892.337 đồng là không phù hợp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bởi lẽ: Bà L vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê cùng con gái, hiện nay bà L đang ở trọ, không có chỗ ở và công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống (có xác nhận của chính quyền địa phương), với số tiền 38.892.337

đồng được chia không thể đảm bảo nơi ở mới cho bà L nên việc bà L có nguyện vọng được chia bằng hiện vật là chính đáng. Hiện trạng nhà đất mà bà H1 và các con được nhận có 02 mặt giáp đường đi, diện tích lớn, hiện nay vẫn còn đất trống nên vẫn có thể chia hiện vật theo chiều ngang của thửa đất để đảm bảo cho nhu cầu tối thiểu về nơi ở của bà L.

[4]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 85/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở khu vực đô thị là 40m<sup>2</sup> trở lên và cạnh ngắn nhất của thửa đất được tách, tối thiểu phải là 3,5m. Diện tích còn lại của thửa đất sau khi tách tối thiểu là 40m<sup>2</sup> và cạnh ngắn nhất của thửa đất tối thiểu phải là 3,5m và khoảng cách cạnh cách cạnh không được nhỏ hơn 3m. Do Bà H3, bà H4, ông P2, ông P1 được chia quyền sử dụng thửa đất số 297 diện tích 118m<sup>2</sup> với chiều rộng 6,78m và chiều dài 14,4m, trường hợp chia diện tích đất theo chiều dọc sẽ thiếu 0,22m. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm thì ông T1 và bà H2 có “đơn trình bày” về việc tự nguyện cho bà L phần đất thuộc lối đi chung của ông T1, bà H2 để đủ diện tích đất tách thửa cho bà L, “đơn trình bày” đã được chính quyền địa phương xác nhận vào ngày 04/01/2022 nên việc chia cho bà L kỷ phần bằng hiện vật là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 17/2022/KN-DS ngày 22/02/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 19/2017/DS-PT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Ninh Thuận (để biết);
- TAND Tp. PR – TC (để biết);
- CCTHADS Tp. PR – TC (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Cường**